

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Văn Sơn
- Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số M đường O, xóm B, thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Lê Minh Kh, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số nhà H đường N, tổ N, thôn N, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị H, anh Kh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Lê Minh Kh đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 087/2011, ngày 07/12/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ anh Kh đến năm 2016 thì về số M đường O, xóm B, thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng cãi vã thường xuyên, mâu thuẫn về kinh tế. Từ cuối tháng 7/2017 cho đến nay, anh Kh về sống tại nhà cha mẹ ruột, vợ chồng ly thân,

không cùng nhau chăm sóc con chung. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh Kh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 30/3/2012 và Lê Uyên N, sinh ngày 30/9/2015. Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu sau khi ly hôn sẽ giao 02 con chung cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 29/7/2024, chị H đã rút yêu cầu tranh chấp về nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2024, bị đơn anh Lê Minh Kh trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh Kh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn năm 2011. Theo anh Kh, vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chung sống được 06 năm thì chị H cùng con nhỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, từ đó đến nay, vợ chồng ly thân, không sống cùng nhau. Nay, anh Kh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên đồng ý yêu cầu được ly hôn của chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh H, sinh năm 2012 và Lê Uyên N, sinh năm 2015. Hiện nay con chung đang sống cùng anh Kh. Anh Kh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2011, chị H, anh Kh kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh Kh đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng đã không còn tình cảm, có mâu thuẫn trong cuộc sống, từ năm 2017, vợ chồng anh chị đã ly thân, không còn sống cùng nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung. Chị H yêu cầu ly hôn, anh Kh đồng ý, nên cần chấp nhận. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 30/3/2012 và Lê Uyên N, sinh ngày 30/9/2015; Tại đơn khởi kiện chị H có tranh chấp về nuôi con, tuy nhiên, ngày 29/7/2024, chị H đã có đơn xin rút yêu cầu tranh chấp này, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Minh Kh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 2011 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 087/2011, ngày 07 tháng 12 năm 2011, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị H và anh Kh, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị không sống cùng nhau, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung, nguyên nhân theo chị H trình bày là do vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay, chị H yêu cầu ly hôn thì anh Kh đồng ý. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Kh đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Kh là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 30/3/2012 và Lê Uyên N, sinh ngày 30/9/2015. Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu sau khi ly hôn sẽ giao 02 con chung cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, ngày 29/7/2024, chị H đã có đơn xin rút yêu cầu tranh chấp này. Do đó, Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn và đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Minh Kh. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 217, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Minh Kh về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Minh Kh.

1.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Minh Kh về tranh chấp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004653 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung